

**Phụ lục**  
**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
(Kèm theo Quyết định số 105/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| TT | Tên tiêu chí             | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                               | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                    | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                             | Xã nhóm 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xã nhóm 3                                                          |                                              |
| 1  | Quy hoạch                | 1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch                                                                                                                  | Đạt            | Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                    | Sở Xây dựng                                  |
|    |                          | 1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới                                                                                                                                                                        | Đạt            | Có Quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không quy định                                                     |                                              |
|    |                          | 1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã                                                                                                                                                                    | Đạt            | Có Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không quy định                                                     |                                              |
| 2  | Hạ tầng kinh tế - xã hội | 2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$ ; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa | Đạt            | 1. Cấp kỹ thuật đường xã: 100% đạt cấp kỹ thuật đường đô thị (TCVN 13592:2022).                                                                                                       | 1. Cấp kỹ thuật đường xã: Tối thiểu đạt Cấp A theo TCVN 10380:2014; Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; Bảo đảm có đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật cần thiết như: hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo, sơn kẻ đường, v.v,...), hệ thống thoát nước, hệ thống phòng hộ (tường chắn, hộ lan tại các vị trí đèo dốc, vực sâu, v.v..), hệ thống chiếu sáng, vỉa hè tại | 1. Cấp kỹ thuật đường xã: Tối thiểu đạt Cấp B theo TCVN 10380:2014 | Sở Xây dựng                                  |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                                                                                                                             | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                            | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |  |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--|
|    |              |                                                                                                                                               |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                   | Xã nhóm 2                                                                                                                                                            | Xã nhóm 3                                                                                                                                  |                                              |  |
|    |              |                                                                                                                                               |                |                                                                                                                                                                             | các đoạn qua khu đông dân cư, v,v,...                                                                                                                                |                                                                                                                                            |                                              |  |
|    |              |                                                                                                                                               | Đạt            | 2. Cứng hóa đường thôn, ngõ, xóm: 100% bê tông hóa hoặc nhựa hóa                                                                                                            | 2. Cứng hóa đường thôn, ngõ, xóm: Tối thiểu 90% bê tông hóa hoặc nhựa hóa                                                                                            | 2. Cứng hóa đường thôn/ngõ/xóm: Tối thiểu $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa                                                            |                                              |  |
|    |              |                                                                                                                                               | Đạt            | 3. Bảo đảm kết nối giao thông được thực hiện theo quy định                                                                                                                  |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                            |                                              |  |
|    |              |                                                                                                                                               | Đạt            | 4. Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường                                                                                                  |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                            |                                              |  |
|    |              |                                                                                                                                               | Đạt            | 5. Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm                                                                         |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                            |                                              |  |
|    |              | 2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. | Đạt            | Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm                                                                                                                 |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                            | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |  |
|    |              |                                                                                                                                               |                | - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$ ;<br>- Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị | - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$ ;<br>- Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực. | Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương. |                                              |  |
|    |              | 2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.                                                           | Đạt            | Đánh giá mức “Tốt” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 85 điểm trở lên theo quy định                                                       | Đánh giá mức “Khá” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm theo quy định                                       | Đánh giá “Đạt” khi: đảm bảo tất cả các yêu cầu bắt buộc và kết quả chấm điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm theo quy định                 |                                              |  |
|    |              | 2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện                                                                                       | $\geq 98\%$    | $\geq 99\%$                                                                                                                                                                 | $\geq 99\%$                                                                                                                                                          | $\geq 98\%$                                                                                                                                | Sở Công Thương                               |  |

| TT | Tên tiêu chí            | Nội dung tiêu chí                                                                                   | Chỉ tiêu chung            | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                     |                           | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Xã nhóm 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xã nhóm 3                                                                                                                                                                                                       |                                              |
|    |                         | sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.                                            |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                 |                                              |
|    |                         | 2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.                                                            | Đạt                       | <p>Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định;</li> <li>- Có Siêu thị hạng 3 trở lên theo quy định.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chợ đạt tiêu chí quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định.</li> <li>- Có chợ đạt tiêu chí quy định và chợ có ít nhất 01 (một) khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ theo quy định.</li> <li>- Có siêu thị mini trở lên theo quy định.</li> </ul> | <p>Đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có Chợ đạt tiêu chí theo quy định;</li> <li>- Có một trong các loại hình cơ sở bán lẻ khác phù hợp theo quy định.</li> </ul> |                                              |
|    |                         | 2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất. | Đạt                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đến năm 2030, 100% các thôn trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.</li> <li>- Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                 | Sở Khoa học và Công nghệ                     |
| 3  | Phát triển kinh tế nông | 3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người.                                                      | Bình quân từ 9,5-12% /năm | $\geq 9,5\%/năm$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | $\geq 9,5\%/năm$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | $\geq 9,5\%/năm$                                                                                                                                                                                                | Thống kê thành phố                           |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                                                                                                                             | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |              |                                                                                                                                               |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Xã nhóm 2                                                                                                                   | Xã nhóm 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                              |
|    | thôn         | 3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đạt                                                                                                                         | Đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
|    |              | 3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.                         | ≥01 mô hình    | Có ≥03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Có ≥02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả. | Có ≥01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ≥01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả.                                                                                                                                                                                                           |                                              |
|    |              | 3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương.                          | Đạt            | Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
|    |              |                                                                                                                                               | Đạt            | - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên;<br>- Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá. |                                                                                                                             | - Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn;<br>- Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá. |                                              |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |              |                                                                                                                                                                  |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3                                                                                                                                                                                                                                                 |                                              |
|    |              | 3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương. | Đạt            | 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           | 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP |                                              |
|    |              | Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).                                                              |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                              |
|    |              | 3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả.                                                                                                                        | Đạt            | ≥01 Hợp tác xã đạt các yêu cầu sau:<br>- Tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành;<br>- Kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của hợp tác xã trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới;<br>- Có tối thiểu 01 loại sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên chính thức phù hợp với từng loại hình hợp tác xã;<br>- Có quy mô thành viên đủ lớn (lĩnh vực nông nghiệp: có từ 50 thành viên chính thức trở lên; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng: có từ 20 thành viên chính thức trở lên; lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm: có từ 100 thành viên chính thức trở lên; lĩnh vực thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác: có từ 20 thành viên chính thức trở lên); số lượng thành viên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới tăng tối thiểu 5%/năm (hoặc 10 thành viên/năm). |           |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                              |

| TT | Tên tiêu chí  | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                   | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                 |                                                                                 | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá                            |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|    |               |                                                                                                                                                                                                     |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Xã nhóm 2                                                                       | Xã nhóm 3                                                                       |                                                                         |
|    |               | 3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.                                                                                                                                                | $\geq 01$      | Không quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | $\geq 01$ Tổ khuyến nông đạt kết quả chấm điểm từ 70 điểm trở lên theo quy định | $\geq 01$ Tổ khuyến nông đạt kết quả chấm điểm từ 60 điểm trở lên theo quy định | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                            |
|    |               | 3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định.                                                                                                                                     | $\geq 40\%$    | $\geq 60\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | $\geq 50\%$                                                                     | $\geq 40\%$                                                                     | Hội Nông dân                                                            |
|    |               | 3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương                                                                              | Đạt            | Đáp ứng các yêu cầu sau:<br>- Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;<br>- Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình từ 10%/năm trở lên trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới;<br>- Số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng từ 5% trở lên so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. |                                                                                 |                                                                                 | Sở Tài chính                                                            |
|    |               | 3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật | $\geq 01$      | $\geq 01$<br>(Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 52/2026/TT-BTC ngày 14/5/2026 của Bộ Tài chính; Điều 8, Điều 9 và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 17/2026/TT-BCT ngày 31/3/2026 của Bộ Công thương; Điều 19, Điều 20 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                 |                                                                                 | - Sở Tài chính;<br>- Sở Công thương;<br>- Sở Nông nghiệp và Môi trường. |
| 4  | Đào tạo nguồn | 4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ                                                                                                                                              | $\geq 27\%$    | $\geq 40\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | $\geq 35\%$                                                                     | $\geq 27\%$                                                                     | Sở Nội vụ                                                               |

| TT | Tên tiêu chí            | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                              | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                     |             |             | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|----------------------------------------------|
|    |                         |                                                                                                                                                                |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                   | Xã nhóm 2   | Xã nhóm 3   |                                              |
|    | nhân lực nông thôn      | 4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông                                                                                   | Đạt            | $\geq 60\%$                                                                                                                                                                                                                 | $\geq 50\%$ | $\geq 40\%$ | Sở Giáo dục và Đào tạo                       |
| 5  | Văn hóa, Giáo dục, Y tế | 5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa                                                                                                                     | Đạt            | Đảm bảo đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số và (6) Về nhân lực quản lý văn hóa. |             |             | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch              |
|    |                         | 5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục                                                                                                                    |                |                                                                                                                                                                                                                             |             |             | Sở Giáo dục và Đào tạo                       |
|    |                         | Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia | Đạt            | 90%                                                                                                                                                                                                                         | 80%         | 70%         |                                              |
|    |                         | Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi                                                                                                  | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                         | Đạt         | Đạt         |                                              |
|    |                         | Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi                                                                     | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                         | Đạt         | Đạt         |                                              |
|    |                         | Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở                                                                                                                          | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                         | Đạt         | Đạt         |                                              |
|    |                         | Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp                                                                                                                       | Đạt            | 90%                                                                                                                                                                                                                         | 85%         | 80%         |                                              |

| TT | Tên tiêu chí          | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                  |                                                                                                      | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã |           |           | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-----------|-----------|----------------------------------------------|
|    |                       |                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                      |                | Xã nhóm 1               | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 |                                              |
|    |                       |                                                                                                                                                                                                    | trung học phổ thông và tương đương                                                                   |                |                         |           |           |                                              |
|    |                       |                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác | Đạt            | 90%                     | 85%       | 80%       |                                              |
|    |                       |                                                                                                                                                                                                    | Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số                           | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       |                                              |
|    |                       |                                                                                                                                                                                                    | Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2                                                                        | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       |                                              |
|    |                       | 5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế                                                                                                                                                              |                                                                                                      | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       | Sở Y tế                                      |
|    |                       | 5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội |                                                                                                      | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       |                                              |
| 6  | Giảm Nghèo và An sinh | 6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều                                                                                                                                                                          |                                                                                                      | ≤2%            | ≤2%                     | ≤5%       | ≤13%      | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
|    |                       | 6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố                                                                                                                                                                     |                                                                                                      | ≥75%           | ≥95%                    | ≥85%      | ≥75%      | Sở Xây dựng                                  |

| TT | Tên tiêu chí                        | Nội dung tiêu chí                                                                                                                |                                                          | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                              | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |                                     |                                                                                                                                  |                                                          |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                     | Xã nhóm 2                                                                                                                                                      | Xã nhóm 3                                                                                                                                                                    |                                              |
|    | xã hội                              | 6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn                                                                              |                                                          | Đạt            | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 85\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung) | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 80\%$ (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung). | Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 40\%$ (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có)) | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
|    |                                     | 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”                                                                             |                                                          | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                           | Đạt                                                                                                                                                            | Đạt                                                                                                                                                                          | Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố               |
|    |                                     | 6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới                                                   |                                                          | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                           | Đạt                                                                                                                                                            | Đạt                                                                                                                                                                          | Sở Nội vụ                                    |
|    |                                     | 6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có) |                                                          | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                           | Đạt                                                                                                                                                            | Đạt                                                                                                                                                                          | Sở Y tế                                      |
|    |                                     | 6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm                                                                                                   |                                                          | Đạt            | 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm                                   |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                              | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
| 7  | Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số | 7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn                                                              |                                                          | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                           | Đạt                                                                                                                                                            | Đạt                                                                                                                                                                          | Sở Khoa học và Công nghệ                     |
|    |                                     | 7.2. Tỷ lệ số hóa dữ                                                                                                             | Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã được | Đạt            | $\geq 95\%$ ;                                                                                                                                                 | $\geq 85\%$ ;                                                                                                                                                  | $\geq 70\%$ ;                                                                                                                                                                | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                 |                                                                                                                                                                       | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã |           |           | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|--------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-----------|-----------|----------------------------------------------|
|    |              |                                   |                                                                                                                                                                       |                | Xã nhóm 1               | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 |                                              |
|    |              | liệu về nông nghiệp và môi trường | xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc                    |                |                         |           |           | trường                                       |
|    |              |                                   | Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       |                                              |
|    |              |                                   | Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%.  | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       |                                              |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí                                     |                                                                                                       | Chỉ tiêu chung    | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |               |                | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|--------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|----------------------------------------------|
|    |              |                                                       |                                                                                                       |                   | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Xã nhóm 2     | Xã nhóm 3      |                                              |
|    |              |                                                       | Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã | Đạt               | $\geq 95\%$ ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | $\geq 85\%$ ; | $\geq 70\%$ ;  |                                              |
|    |              |                                                       | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã            | Đạt               | $\geq 95\%$ ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | $\geq 85\%$ ; | $\geq 70\%$ ;  |                                              |
|    |              | 7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử |                                                                                                       | Đạt               | Đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đạt           | Không quy định | Sở Công thương                               |
|    |              | 7.4. Có mô hình thôn thông minh                       |                                                                                                       | $\geq 01$ mô hình | $\geq 01$ mô hình đáp ứng được các điều kiện sau:<br>- Đến năm 2030, bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình tối thiểu 200 Mb/s.<br>- Đến năm 2030, mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn.<br>- Có điểm truy cập số cộng đồng: Nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tại thôn có kết nối Internet cáp quang băng rộng.<br>- Đến năm 2030, tối thiểu 90% số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động trên địa bàn thôn |               | Không quy định | Sở Khoa học và Công nghệ                     |

| TT | Tên tiêu chí                                                                                                                              | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                  | Chỉ tiêu chung                                                                                                                                        | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                              |           |                                                                       | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       | Xã nhóm 1                                                                                                                            | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3                                                             |                                              |
|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       | - Có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng. Người dân trong thôn được phổ biến, tập huấn kỹ năng số tối thiểu 01lần/năm <sup>1</sup> . |           |                                                                       |                                              |
| 8  | Môi trường và cảnh quan nông thôn                                                                                                         | 8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh | Đạt                                                                                                                                                   | Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường                         |           |                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥ 90%                                                               |           | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80% |                                              |
|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.                                            |           |                                                                       |                                              |
|    |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón | ≥90%                                                                                                                                 | ≥90%      | ≥90%                                                                  | ≥90%                                         |
|    | 8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường | 100%                                                                                                                                                                                                                                                                               | 100%                                                                                                                                                  | 100%                                                                                                                                 | 100%      |                                                                       |                                              |

<sup>1</sup> Ngoài ra, thôn thông minh cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện áp dụng chung đối với thôn theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền hướng dẫn tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

| TT | Tên tiêu chí                                   | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                      | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |                | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|----------------------------------------------|
|    |                                                |                                                                                                                                                                                        |                | Xã nhóm 1                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3      |                                              |
|    |                                                | 8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường | Đạt            | Xã phải có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường                                                                                       |           |                | Sở Xây dựng                                  |
|    |                                                |                                                                                                                                                                                        | Đạt            | Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$ . Biện pháp phù hợp: Có thể áp dụng các mô hình xử lý nước thải phi tập trung (cho cụm hộ gia đình hoặc khu dân cư nông thôn) dựa trên đặc thù mật độ dân cư và điều kiện tự nhiên |           |                |                                              |
|    |                                                |                                                                                                                                                                                        | Đạt            | Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường                                                                                                                                                   |           | Không quy định |                                              |
|    |                                                | 8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn                                | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt       | Đạt            | Sở Nông nghiệp và Môi trường                 |
| 9  | Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công | 9.1. Đảng Bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên                                               | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt       | Đạt            | Sở Nội vụ                                    |
|    |                                                | 9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$                             | Đạt            | Đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt       | Đạt            | Văn phòng UBND thành phố                     |

| TT | Tên tiêu chí                              | Nội dung tiêu chí                                                                                                                                                                                                           | Chỉ tiêu chung | Yêu cầu đối với nhóm xã |           |           | Cơ quan chủ trì hướng dẫn, thẩm tra đánh giá |
|----|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|-----------|-----------|----------------------------------------------|
|    |                                           |                                                                                                                                                                                                                             |                | Xã nhóm 1               | Xã nhóm 2 | Xã nhóm 3 |                                              |
| 10 | Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng | 10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật                                                                                                                                                                                       | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       | Sở Tư pháp                                   |
|    |                                           | 10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       | Công an thành phố                            |
|    |                                           | 10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã                                                                                                                                                           | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       |                                              |
|    |                                           | 10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng                                                                                                                     | Đạt            | Đạt                     | Đạt       | Đạt       | Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố                 |